

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Tuấn
Ông Bùi Nhật Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chũ, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21a/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thu T, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Phùng Bảo K, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thu T trình bày: Chị và anh Phùng Bảo K là vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 08/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B theo quy định của pháp luật, trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **K** đi làm ăn xa nhà không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình, từ đó tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt dần, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên anh chị cũng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, cổ nứu kéo cũng không có hạnh phúc nên chị có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh **Phùng Bảo K**.

Về con chung: Chị **Trần Thu T** khai nhận, quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu **Phùng Gia H**, sinh ngày 29/11/2019. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc cháu **Phùng Gia H** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Chị **Trần Thu T** xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

*Đối với bị đơn **Phùng Bảo K**:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án do anh **K** làm nghề lao động tự do thường xuyên vắng nhà thỉnh thoảng mới về, nên các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bị đơn đều được giao cho ông **Phùng Xuân K1** (là bố đẻ của anh **Phùng Bảo K**) nhận thay. Tại biên bản làm việc ngày 27/7/2023 ông **Phùng Xuân K1** cho biết trong tháng 5 năm 2023 khi bị đơn **Phùng Bảo K** là con trai của ông từ Hà Nội về nhà làm căn cước công dân, ông **K1** cũng đã thông báo cho anh **K** biết việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng anh **K** theo đơn khởi kiện của chị **Trần Thu T**, nhưng anh **K** không đến Tòa án giải quyết theo giấy triệu tập. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/8/2023, ông **Phùng Xuân K1** và bà **Đỗ Thị H1** (là bố mẹ đẻ của anh **K**) đã gọi điện thoại trực tiếp cho anh **Phùng Bảo K** qua zalo bằng hình ảnh (có sự chứng kiến của chính quyền địa phương), trên cơ sở nói chuyện với bố mẹ qua điện thoại, anh **Phùng Bảo K** cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, ông **Phùng Xuân K1** và bà **Đỗ Thị H1** cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh **K** và chị **T** được ly hôn theo quy định của pháp luật. Về con chung, ông **K1** xác nhận anh **K** và chị **T** có 01 con chung là cháu **Phùng Gia H**, sinh ngày 29/11/2019, quan điểm của ông do con trai ông hiện nay đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà. Nên cần phải giao cháu **H** cho chị **Trần Thu T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung ông cho biết anh **K** và chị **T** lấy nhau vẫn chung sống với gia đình nhà chồng nên không có tài sản chung.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo đơn khởi kiện của chị **Trần Thu T**. Bị đơn **Phùng Bảo K**, cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn khi có thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con chung tại chính quyền địa phương và bố mẹ đẻ của bị đơn để ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị **Trần Thu T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, về con

chung, chị **T** đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Phùng Gia H**, không yêu cầu anh **Phùng Bảo K** phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ chung chị **Trần Thu T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị **Trần Thu T** đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh **Phùng Bảo K** đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị **Trần Thu T** được ly hôn anh **Phùng Bảo K**.

+ Về con chung: Đề nghị xử giao cho chị **Trần Thu T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Phùng Gia H**, sinh ngày 29/11/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Phùng Bảo K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị **Trần Thu T** khởi kiện anh **Phùng Bảo K** về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, xét thấy bị đơn **Phùng Bảo K** có nơi cư trú tại **thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang**, nên yêu cầu khởi kiện của chị **Trần Thu T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa nguyên đơn **Trần Thu T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn **Phùng Bảo K** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang cũng đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng ông **Phùng Xuân K1** và bà **Đỗ Thị H1** (là bố mẹ đẻ của anh **Phùng Bảo K**) theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn **Trần Thu T** và các biên bản xác minh tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện B**, biên bản làm việc với ông **Phùng Xuân K1** (là bố đẻ của bị đơn **Phùng Bảo K**) cho thấy chị **Trần Thu T** và

anh **Phùng Bảo K** kết hôn năm 2019 trên cơ sở tình nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó cuộc hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian nhất định và có 01 con chung, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh **K** đi làm ăn xa không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, vì vậy anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2021. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **Trần Thu T** và anh **Phùng Bảo K** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị **Trần Thu T** vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho được ly hôn, do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị **Trần Thu T** được ly hôn anh **Phùng Bảo K**.

[4] Về con chung: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và phần trình bày của ông **Phùng Xuân K1** và bà **Đỗ Thị H1** (là bố mẹ đẻ của bị đơn **Phùng Bảo K**) cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định được chị **Trần Thu T** và anh **Phùng Bảo K** có 01 con chung là cháu **Phùng Gia H**, sinh ngày 29/11/2019. Quan điểm của chị **Trần Thu T**, khi ly hôn đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **H** cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh **K** phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện nay anh **Phùng Bảo K** đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, cháu **Phùng Gia H** còn nhỏ, nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo về mặt tâm sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con, cần áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xử giao cháu **Phùng Gia H** cho chị **Trần Thu T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Phùng Bảo K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thu T** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Trần Thu T**, xử cho chị **Trần Thu T** được ly hôn anh **Phùng Bảo K**.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao cho chị **Trần Thu T** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Phùng Gia H**, sinh ngày 29/11/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Phùng Bảo K** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung chị **Trần Thu T**, anh **Phùng Bảo K** có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị **Trần Thu T** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 0003263, ngày 17 tháng 4 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư